

Số: 312/TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 09 tháng 5 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 03 – 09/5/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 27 – 29°C; Cao nhất: 36,5 °C; Thấp nhất: 22,5°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 74 – 79%; Thấp nhất: 35%.
- Tổng số giờ nắng: 64 – 76 giờ.
- Lượng mưa: 40 – 70 mm.

Thời tiết: Đầu tuần ngày nắng nóng, có mưa vài nơi; nửa cuối tuần thời tiết mây thay đổi đến nhiều mây, có mưa rào và dông rải rác, có nơi mưa vừa, mưa to.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Vụ Hè Thu: Xuống giống 2.178 ha/22.185 ha, đạt 9,8% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn xuống giống, mạ.

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Cây con	507/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.440
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Ra hoa, đậu trái	10.950
Xoài	Nuôi trái, thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Bông, trái, thu hoạch	4.051
Tiêu	Các giai đoạn	17.087
Điều	Nuôi trái, thu hoạch	38.888
Cao su (tiểu điền)	Các giai đoạn	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172

## II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. **Trên cây lúa:** Lúa vụ Hè Thu giai đoạn xuống giống, mạ. SVH chủ yếu: Ốc bươu vàng DTN 127 ha, bọ trĩ DTN 47 ha, rầy nâu DTN 14 ha, các SVH khác không đáng kể.

### 2. Cây trồng khác

- Cây bắp: Giai đoạn cây con, SVH không đáng kể.
- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.
- Cây ăn quả:
  - + Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 177 giảm 7 ha, rệp sáp DTN 42 ha tăng 33 ha.
  - + Xoài: Giai đoạn thu hoạch, SVH giảm, ruồi đục quả DTN 33 ha giảm 27 ha.
  - + Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 387 ha tăng 10 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 308 ha tăng 6 ha.
  - + Chuối: Bệnh đốm lá vi khuẩn DTN 91 ha tăng 6 ha.
  - + Thanh long: Bệnh đốm nâu DTN 85 ha, có 3 ha nhiễm nặng.
- Cây công nghiệp:
  - + Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 967 ha tăng 20 ha, bệnh chết chậm DTN 860 ha giảm 7 ha, có 4 ha nhiễm nặng, bệnh tuyến trùng DTN 507 ha tăng 6 ha, có 4 ha nhiễm nặng.
  - + Cây điều: Nông dân chủ động phòng trừ hiệu quả, SVH giảm mạnh: bệnh thán thư DTN 627 ha giảm 652 ha, bọ xít muỗi DTN 262 ha giảm 842 ha.
  - + Cây cao su: Bệnh phấn trắng DTN 398 ha tăng 8 ha, bệnh nấm hồng DTN 260 ha tăng 36 ha.
  - + Cây mì: Bệnh vi khuẩn DTN 4 ha tăng 1 ha.

## III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, bọ trĩ, rầy nâu, VL – LXL, và các SVH khác.
- Cây bắp: Chú ý sâu xám, rệp ngô.
- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.
- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh cháy lá chết đọt, bệnh nấm hồng (sầu riêng); sâu vẽ bùa, nhện nhỏ, rệp sáp (cây có múi); bệnh thán thư, bọ trĩ, ruồi đục quả (xoài).
- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bọ trĩ (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).

#### IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Theo dõi bầy đàn ở địa phương; tình hình thủy văn để xuống giống tập trung, né rầy đối với lúa Hè thu 2018.

- Cây lâu năm: Chú ý bón phân cân đối, theo dõi diễn biến các SVH, phun thuốc phòng chống khi cần thiết.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Trần Thị Tú Oanh



**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 03/5 đến ngày 09/5/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		176.5	0.5	0	177	0	-7.0	121.0	133	Tân Phú, Xuân Lộc, Định Quán, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
	Rệp sáp	Các giai đoạn	10		42	0	0	42	0	33.0	42.0	0	Định Quán
Chôm chôm	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 15		160	0	0	160	0	65.0	69.0	60	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Định Quán
	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	5 - 10		117	2	0	119	0	7.0	-86.0	28	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh muội đen	Các giai đoạn	10		33	2	0	35	0	-3.0	4.0	7	Trảng Bom, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 15		84	7	0	91	0	6.0	-73.0	30	Trảng Bom, Thống Nhất
	Tuyến trùng rễ	Các giai đoạn	10		33	0	0	33	0	0.0	28.0	30	Thống Nhất
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn	10		32	0	0	32	0	2.0	-73.0	30	Thống Nhất
Nhãn	Bệnh chổi rồng nhãn	Ra bông-trái	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	5 - 10		387	0	0	387	0	10.0	261.0	153	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Tân Phú, Thống Nhất
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		308	0	0	308	0	6.0	185.0	93	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	15		150	0	0	150	0	-3.0	78.0	52	Cẩm Mỹ, Tân Phú
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	20	63	19	3	85	0	0.0	36.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Sâu đục cành	Chăm sóc	5		43	0	0	43	0	43.0	19.0	0	Định Quán
	Ruồi đục quả	Trái chín	10		33	0	0	33	0	-27.0	-225.0	100	Vĩnh Cửu

Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc bông trái	10 - 15		38	0	0	38	0	-2.0	14.0	35	Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh cháy lá	Các giai đoạn	3		19	0	0	19	0	0.0	12.0	17	Thông Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		651	14	0	665	0	-18.0	194.0	49	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú, Thông Nhất
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		604	3	0	607	0	-51.0	190.0	121	Định Quán, Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		359	4	0	363	0	4.0	195.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		396	2	0	398	0	8.0	-20.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 20		259	1	0	260	0	36.0	228.0	144	Tân Phú, Cầm Mỹ, Thông Nhất, Trảng Bom
Điều	Bệnh thán thư	Trái-thu hoạch	5 - 25	25	559	68	0	627	0	-652.0	346.0	40	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Long Thành, Trảng Bom, Thông Nhất, TX Long Khánh
	Bọ xít muỗi	Trái-thu hoạch	10 - 15	20	250	12	0	262	0	-842.0	74.0	40	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Thông Nhất
	Sâu đục thân, cành	Trái-thu hoạch	8 - 10		210	2	0	212	0	-2.0	79.0	28	Cầm Mỹ, Thông Nhất, Trảng Bom
	Bọ trĩ	Trái-thu hoạch	5 - 10		198	5	0	203	0	-387.0	57.0	12	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Thông Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		920	47	0	967	0	20.0	221.0	79	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Xuân Lộc, Long Thành, Thông Nhất, Tân Phú
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	692	164	4	860	0	-7.0	268.0	82	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thông Nhất, Định Quán
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	458	45	4	507	0	6.0	-369.0	80	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thông Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	3 - 5	4	169	9	2	180	0	-12.0	87.0	32	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Thông Nhất, Tân Phú
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		3	0	0	3	0	0.0	-5.0	0	Trảng Bom
	Sâu đục thân	Các giai đoạn	10		2	0	0	2	0	0.0	-1.0	0	Trảng Bom

Sắn (Mì)	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		4	0	0	4	0	1.0	4.0	0	Trảng Bom
Keo	Bệnh chết héo	Các giai đoạn	1		2	0	0	2	0	0.0	2.0	0	Nhon Trạch
Ngô (Bắp)	Sâu xám	Cây con	5		23	0	0	23	0	17.0	23.0	21	Tân Phú, Thống Nhất
	Rệp ngô	Cây con			5	0	0	5	0	0.0	3.0	3	Thống Nhất
Lúa	Ốc bươu vàng	Mạ	2 - 3		127	0	0	127	0	80.0	-1.0	142	Tân Phú, Vĩnh Cửu
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ	10		47	0	0	47	0	43.0	37.0	46	Tân Phú, Thống Nhất
	Rầy nâu	Mạ	1		14	0	0	14	0	-73.0	-66.0	12	Thống Nhất, TP Biên Hòa
Bầu bí	Ruồi đục quả	Thu hoạch	7	20	4	2	0	6	0	0.0	-1.0	4	Nhon Trạch
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20	30	3	2	0	5	0	1.0	3.0	5	Nhon Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh gỉa srong mai	Các giai đoạn	5 - 10	25	10	4	0	14	0	1.0	14.0	4	Trảng Bom, Nhon Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 8	18	4.5	3.5	0	8	0	-2.0	1.0	4	Nhon Trạch, Trảng Bom
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		12	2	0	14	0	2.0	-1.0	0	Trảng Bom
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 15	25	4	4	0	8	0	3.0	3.0	7	Nhon Trạch, Long Thành
Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Các giai đoạn	10		18.5	0.5	0	19	0	1.0	-3.0	16	Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	10	14	6	0	0	6	0	2.0	-4.0	3	Thống Nhất, Nhon Trạch
	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		5	0	0	5	0	3.0	5.0	3	Thống Nhất, Trảng Bom
	Sâu tơ	Các giai đoạn	10		5	0	0	5	0	3.0	-4.0	3	Thống Nhất, Định Quán
Rau cần nước	Sâu xanh	Các giai đoạn			7	0	0	7	0	0.0	7.0	7	Thống Nhất
	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	1.0	5.0	5	Thống Nhất
Rau mồng toi	Bệnh thối nhũn	Các giai đoạn	2		4	0	0	4	0	4.0	4.0	4	TP Biên Hòa
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	1		3	0	0	3	0	3.0	3.0	3	TP Biên Hòa
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		2.5	0.5	0	3	0	-1.0	3.0	0	Trảng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		2	0	0	2	0	0.0	2.0	0	Trảng Bom